

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

ĐẶNG HOÀNG PHƯƠNG

**ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI BỊ HẠI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ ÁP
DỤNG TRONG THỰC TIỄN TỔ TỤNG HÌNH SỰ TRÊN ĐỊA BÀN HÀNH
PHỐ HÀ NỘI**

*Chuyên ngành: Luật hình sự
Mã số: 60 38 40*

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS. TS. NGUYỄN TẮT VIỄN

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014

**Có thể tìm hiểu luận văn tại:
Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa
Lời cam đoan
Lời cảm ơn
Mục lục

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: KHÁI NIỆM VÀ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI BỊ HẠI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ	8
1.1. NGƯỜI BỊ HẠI – MỘT CHỦ THỂ THAM GIA QUAN HỆ PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ	8
1.1.1. Khái niệm địa vị pháp lý của người bị hại	8
1.1.2. Đặc điểm của địa vị pháp lý của người bị hại	17
1.2. CÁC QUAN HỆ PHÁP LUẬT PHÁT SINH GIỮA NGƯỜI BỊ HẠI VỚI CÁC CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG HÌNH SỰ VÀ NHỮNG NGƯỜI THAM GIA TỔ TỤNG HÌNH SỰ	18
1.2.1. Mối quan hệ giữa người bị hại với các cơ quan tiến hành tố tụng	18
1.2.2. Mối quan hệ giữa người bị hại với những người tham gia tố tụng khác	24
1.3. ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI BỊ HẠI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI	30
1.3.1. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	30
1.3.2. Liên bang Nga	31
1.3.3. Các nước khác	34
Chương 2: ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI BỊ HẠI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM	37
2.1. CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI BỊ HẠI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ TRƯỚC KHI BAN HÀNH BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 1988	37

2.2.	CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI BỊ HẠI THEO BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 1988 VÀ BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2003.....	41
2.2.1.	Các quy định pháp luật về địa vị pháp lý của người bị hại theo Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988.....	41
2.2.2.	Các quy định pháp luật về địa vị pháp lý của người bị hại theo Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.....	41
Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI BỊ HẠI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ.....		
3.1.	THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI BỊ HẠI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	67
3.1.1.	Những đặc điểm của Thủ đô Hà Nội.....	67
3.1.2.	Thực trạng áp dụng các quy định tố tụng hình sự về địa vị pháp lý của người bị hại trên địa bàn thành phố Hà Nội.....	69
3.1.3.	Thực tiễn áp dụng những quy định về quyền của người bị hại	71
3.1.4.	Thực tiễn áp dụng những quy định về nghĩa vụ của người bị hại.....	76
3.2.	MỘT SỐ KIẾN NGHỊ.....	77
3.2.1.	Kiến nghị về hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của người bị hại trong tố tụng hình sự.....	77
3.2.2.	Một số kiến nghị khác.....	87
KẾT LUẬN.....		90
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....		92
PHỤ LỤC		

MỞ ĐẦU

1. Tình cấp thiết của đề tài

Bộ luật tố tụng hình sự đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28 tháng 6 năm 1988 (Có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 1989) là một đạo luật quy định về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án các vụ án hình sự. Tuy nhiên, sau 15 năm thực hiện, Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 đã bộc lộ những bất cập, hạn chế, thiếu sót... từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Một trong những hạn chế dẫn đến tình trạng trên là việc Bộ luật quy định về người tham gia tố tụng, đặc biệt là các quy định về người bị hại còn tương đối sơ sài và chưa đầy đủ.

Thể chế hoá chủ trương và đường lối của Đảng, ngày 17/12/2003, Quốc hội nước ta đã thông qua Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Bộ luật đã dành chương IV tại phần thứ nhất (Những quy định chung) quy định về người bị hại với tính chất là một loại người tham gia tố tụng đặc biệt trong tố tụng hình sự.

Tuy nhiên, dưới góc độ khoa học pháp lý vẫn còn nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn áp dụng trong tố tụng hình sự cần được tiếp tục nghiên cứu và làm sáng tỏ, trong đó có việc nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về người bị hại trong tố tụng hình sự ở nước ta hiện nay cũng như thực trạng về người bị hại ở từng địa phương (nhất là địa bàn thành phố Hà Nội) để đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng chế định này trong thực tế, góp phần xử lý, kịp thời, khách quan nhằm bảo vệ tốt hơn các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, lợi ích của Nhà nước và xã hội là một nhu cầu khách quan và cần thiết.

Nghị quyết số 48 - NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã tiếp tục xác định: “*Cải cách mạnh mẽ các thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ nhưng thuận tiện, đảm bảo sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp*”. Và tiếp đó, Nghị quyết số 49 - NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng đã khẳng định cụ thể hơn những tư tưởng chỉ đạo này.

Với những lý do trên, tác giả đã chọn đề tài: ***Địa vị pháp lý của người bị hại trong tố tụng hình sự (Áp dụng trong thực tiễn tố tụng hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội)*** làm Luận văn thạc sĩ Luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Người bị hại là một loại người tham gia tố tụng đặc biệt được quy định trong luật tố tụng hình sự. Trong thời gian qua, kể cả trước khi Bộ luật ra đời, ở nước ta đã có rất nhiều bài viết, công trình khoa học nghiên cứu về việc quy định và áp dụng trong tố tụng hình sự như Luận văn thạc sĩ Luật học, các bài viết, công trình nghiên cứu phân tích, giải quyết và làm rõ được một số vấn đề lý luận về người bị hại trong tố tụng hình sự như: *Một số vướng mắc khi giải quyết vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại*, Tạp chí kiểm sát số 7/2008, *Người bị hại trong tố tụng hình sự*, Tạp chí khoa học pháp lý số 01/2007, *Xác định tư cách người tham gia tố tụng hình sự*, Tập san Tòa án số 12/1999, Luận văn thạc sĩ Luật học: *Người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam* – Thịnh Quang Thắng (2010);

Các bài viết, công trình nghiên cứu trên đã phân tích, giải

quyết và làm rõ được một số vấn đề về lý luận về chế định quyền và nghĩa vụ của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam nhưng vẫn còn nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn mà các công trình nghiên cứu trên chưa đề cập đầy đủ, phương pháp tiếp cận còn chưa phù hợp, chưa có nghiên cứu về áp dụng thực tiễn tố tụng hình sự của từng địa phương, đặc biệt là trên địa bàn Thủ đô Hà Nội sau khi Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 ra đời.

3. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của Luận văn là đưa ra các luận giải khoa học và một số giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam nói chung và nhất là áp dụng có hiệu quả các quy định này trên địa bàn thành phố Hà Nội nói riêng, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân. Qua đó, đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp và hoàn thiện pháp luật của nước ta giai đoạn từ nay đến năm 2020, bảo đảm quyền dân chủ của công dân theo đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu các vấn đề lý luận quy định về người bị hại trong tố tụng hình sự, thực trạng pháp luật và thực trạng áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội như: nghiên cứu lịch sử của các quy định về người bị hại ở nước ta; các quy định cụ thể về phạm vi, điều kiện, thẩm quyền, nội dung và các vấn đề liên quan về bảo đảm việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người bị hại; thực trạng áp dụng của các cơ quan tiến hành tố tụng tại 29 quận - huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội sau khi Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 có hiệu lực thi hành. Bên cạnh đó, Luận văn có tham khảo tình hình áp dụng trong tố tụng hình sự của một số nước tiên tiến trên thế giới.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Khái quát các vấn đề lý luận về người bị hại trong tố tụng hình sự như: khái niệm, bản chất, ý nghĩa, mục đích, phạm vi điều kiện, nội dung;

- Đánh giá sơ lược lịch sử của các quy định về người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ trước đến nay và thực trạng về người bị hại trong thời gian từ khi Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 có hiệu lực thi hành đến hết năm 2012 của các cơ quan tiến hành tố tụng tại 29 quận - huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tham khảo tình hình xây dựng và áp dụng trong pháp luật tố tụng hình sự ở một số nước tiên tiến trên thế giới.

- Đề ra những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN cũng như yêu cầu cải cách tư pháp đến năm 2020. Đồng thời, đưa ra một số kiến nghị cụ thể nhằm áp dụng có hiệu quả trong tố tụng hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội.

6. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật;

- Các phương pháp nghiên cứu cụ thể: Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và khoa học pháp lý cụ thể phù hợp với yêu cầu của từng vấn đề nghiên cứu như: phương pháp phân tích tài liệu, nghiên cứu lịch sử, tổng hợp, so sánh, thống kê tư pháp...

7. Những đóng góp mới của Luận văn

- Phân tích, đánh giá một cách có hệ thống, toàn diện các vấn đề về thực trạng áp dụng các quy định về người bị hại trong tố tụng hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Đưa ra các luận giải khoa học về bản chất, ý nghĩa, yêu cầu xây dựng và áp dụng quy định về người bị hại trong thời gian tới, đưa ra các giải pháp hoàn thiện các quy định về người bị hại trong Bộ luật tố tụng hình sự cũng như các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng trong tố tụng hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội.

8. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận văn

- Tăng cường sự nhận thức đúng đắn của nhân dân, cán bộ, công chức nhất là những người tiến hành tố tụng và các cơ quan tiến hành tố tụng của thành phố Hà Nội về bản chất, yêu cầu, ý nghĩa của việc quy định và áp dụng các quy định về người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam;

- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định về người bị hại trong tố tụng hình sự, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục và áp dụng pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

9. Bố cục của Luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Phụ lục, Luận văn gồm 3 chương với kết cấu như sau:

Chương 1: Khái niệm và những đặc điểm của địa vị pháp lý của người bị hại trong tố tụng hình sự

Chương 2: Địa vị pháp lý của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam

Chương 3: Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về địa vị pháp lý của người bị hại trên địa bàn thành phố Hà Nội và một số kiến nghị

Chương 1

KHÁI NIỆM VÀ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI BỊ HẠI TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ

1.1. Người bị hại – một chủ thể tham gia quan hệ pháp luật tố tụng hình sự

1.1.1. Khái niệm địa vị pháp lý của người bị hại

Người bị hại và địa vị pháp lý của người bị hại là những khái niệm quen thuộc trong khoa học pháp lý về tố tụng hình sự.

Theo từ điển Luật học, khái niệm địa vị pháp lý của chủ thể pháp luật thể hiện thành một tổng thể các quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể, qua đó xác lập cũng như giới hạn khả năng của chủ thể trong các hoạt động của mình. Thông qua địa vị pháp lý có thể phân biệt chủ thể pháp luật này với chủ thể pháp luật khác, đồng thời có thể xem xét vị trí và tầm quan trọng của chủ thể pháp luật trong các mối quan hệ pháp luật.

Như vậy chúng ta có thể rút ra khái niệm địa vị pháp lý của người bị hại là *tổng thể các quyền và nghĩa vụ pháp lý của người bị hại khi tham gia tố tụng được pháp luật quy định để từ đó xem xét vị trí vai trò của người bị hại trong hoạt động tư pháp.*

Dưới góc độ ngôn ngữ có thể hiểu người bị hại là con người cụ thể trong xã hội, chịu sự tác động tiêu cực của việc, hành vi hoặc bất kỳ sự tác động nào khác dẫn đến những thiệt thòi, mất mát hay tổn

thương cho chính họ. Tất nhiên là sự tác động trái ý muốn của người bị hại và họ tiếp nhận một cách thụ động. Thiệt hại gây ra cho người bị hại có thể là thiệt hại về vật chất hoặc phi vật chất và không cần phải giới hạn mức độ thiệt hại.

Dưới góc độ ngôn ngữ pháp lý thì người bị hại là người bị thiệt hại về thể chất, về tinh thần hoặc về tài sản do tội phạm gây ra. Người bị hại chỉ có thể là thể nhân bị người phạm tội làm thiệt hại về thể chất, về tinh thần hoặc về tài sản chứ không thể là pháp nhân.

Dưới góc độ luật thực định: theo khoản 1 Điều 51 của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam quy định “Người bị hại là người bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra”.

Luật tố tụng hình sự Việt Nam coi người bị hại là con người cụ thể bị hành vi trực tiếp xâm hại về thể chất, tinh thần hoặc tài sản. Theo quan điểm của học viên, ngoài cá nhân là người bị hại, trong trường hợp tổ chức, pháp nhân bị tội phạm trực tiếp gây thiệt hại thì phải xem tổ chức hoặc pháp nhân đó là người bị hại. Cần quan niệm khái niệm người bị hại theo nghĩa rộng của từ này.

Từ những phân tích trên có thể đưa ra khái niệm về người bị hại là: *“Người bị hại là cá nhân hoặc tổ chức, pháp nhân bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra được cơ quan tiến hành tố tụng công nhận”*

1.1.2. Đặc điểm của địa vị pháp lý của người bị hại

- *Thứ nhất*, về chủ thể, người bị hại là cá nhân, pháp nhân, cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức khác;

- *Thứ hai*, thiệt hại do tội phạm gây ra có thể là thiệt hại về vật chất, thiệt hại về tinh thần. Tuy nhiên, cần lưu ý hậu quả của sự thiệt hại không phải là điều kiện bắt buộc trong các trường hợp.

- *Thứ ba*, thiệt hại của người bị hại phải là đối tượng tác động

của tội phạm, tức là phải có mối liên hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội với hậu quả gây ra cho người bị hại.

- *Thứ tư*, người bị thiệt hại chỉ được tham gia tố tụng với tư cách là người bị hại khi và chỉ khi được cơ quan tiến hành tố tụng công nhận.

1.2. Các quan hệ pháp luật phát sinh giữa người bị hại với các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự và những người tham gia tố tụng hình sự

1.2.1. Mối quan hệ giữa người bị hại với các cơ quan tiến hành tố tụng

Trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988, vấn đề người bị hại đã được quy định trong một chương riêng về người tham gia tố tụng và vị trí, quyền và nghĩa vụ của người bị hại cũng được quy định cụ thể, rõ ràng. Lần đầu tiên trong tố tụng hình sự của Việt Nam đã đưa khái niệm thế nào là người bị hại. Người bị hại theo Bộ luật hình sự năm 1988 là người bị người phạm tội trực tiếp xâm hại về thể chất, tinh thần hoặc tài sản đồng thời cũng là người có quyền yêu cầu bồi thường. Vì vậy, họ là người có thể đưa ra chứng cứ. Do đó, pháp luật quy định người bị hại có các quyền về tố tụng tương đối rộng để đảm bảo cho họ bảo vệ được những lợi ích của mình trong tố tụng và đấu tranh chống tội phạm. Các quyền đó là: đưa ra chứng cứ và những yêu cầu; được thông báo về kết quả điều tra; đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng; đề nghị mức bồi thường và các biện pháp bảo đảm bồi thường; được tham gia phiên toà; được kháng cáo bản án và quyết định của Toà án về phần bồi thường cũng như về phần hình phạt đối với bị cáo.

Theo quy định tại khoản 2 điều 51 của Bộ luật tố tụng hình

sự Việt Nam thì người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền:

- Đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu: người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền đưa ra những tài liệu, chứng cứ, đồ vật để chứng minh hành vi phạm tội đã gây ra cho họ, chứng minh và đưa ra những chứng cứ để chứng minh những thiệt hại mà họ phải chịu do hành vi phạm tội gây ra... người bị hại cũng có quyền đưa ra những yêu cầu để chứng minh như triệu tập thêm người làm chứng, yêu cầu giám định mức độ tỷ lệ thương tật, yêu cầu người phiên dịch...

- Được thông báo về kết quả điều tra: người bị hại có quyền được thông báo kết quả điều tra của cơ quan điều tra để họ biết những vấn đề thuộc nội dung vụ án, trên cơ sở đó để họ chuẩn bị những chứng cứ, lý lẽ hoặc yêu cầu để buộc tội bị cáo hoặc để chứng minh những thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra;

- Đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Đề nghị mức bồi thường và các biện pháp đảm bảo bồi thường;

- Tham gia phiên tòa; trình bày ý kiến tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình;

- Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, kháng cáo bản án, quyết định của tòa án về phần bồi thường cũng như hình phạt đối với bị cáo.

Theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng hình sự thì người bị hại là người bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra; ngoài ra điều luật còn quy định quyền và nghĩa vụ của người bị hại. Tại Điều 105 của Bộ luật tố tụng hình sự quy định

người bị hại có quyền yêu cầu khởi tố đối với những vụ án về tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 104, 105, 106, 108, 109, 111, 113, 121, 122, 131 và 171 của Bộ luật hình sự. Theo quy định tại điều luật này chỉ khi nào người bị hại có yêu cầu khởi tố thì vụ án mới được khởi tố và trong trường hợp người bị hại rút yêu cầu khởi tố thì vụ án được đình chỉ.

1.2.2. Mối quan hệ giữa người bị hại với những người tham gia tố tụng khác

1.2.2.1. Người bị hại với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là người không tham gia vào việc thực hiện tội phạm, song các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn triệu tập họ để giải quyết các vấn đề có liên quan đến vụ án.

Như vậy, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng có điểm giống nhau về quyền yêu cầu đối với những thiệt hại mà tội phạm đã gây ra như quyền yêu cầu về vấn đề bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản bị xâm hại. Nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án còn có thể yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vấn đề về tài sản khi tài sản của họ có liên quan đến việc giải quyết vụ án và tài sản này không phải là đối tượng mà tội phạm tác động tới mà chỉ bị người phạm tội sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội hoặc bị cơ quan tiến hành tố tụng kê biên cùng tài sản của người phạm tội.

1.2.2.2. Người bị hại và nguyên đơn dân sự

Người bị hại là người bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản. Để được xác định là người bị hại thì thể chất, tinh thần, tài sản của

một người phải là đối tượng tác động của tội phạm. Cũng là đối tượng tác động của tội phạm, nhưng là tài sản của cơ quan, tổ chức thì cơ quan, tổ chức được xác định là nguyên đơn dân sự.

Phân biệt người bị hại với nguyên đơn dân sự là phân biệt hai loại người tham gia tố tụng với hai tư cách khác nhau.

1.3. Địa vị pháp lý của người bị hại trong tố tụng hình sự một số nước trên thế giới

1.3.1. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Theo luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thì các đối tượng tham gia vào quan hệ tố tụng đều là chủ thể tham gia tố tụng. Người bị hại trong tố tụng hình sự được phân thành hai loại là người bị hại trong vụ án thuộc công tố và người bị hại trong vụ án thuộc tư tố. Người bị hại trong vụ án thuộc công tố từ ngày vụ án được chuyển giao để thẩm tra đến trước khi truy tố, có quyền chỉ định người đại diện liên quan đến vụ án. Người bị hại chịu thiệt hại vật chất do hành vi phạm tội của bị cáo có quyền nộp đơn kiện dân sự trong quá trình tố tụng và được giải quyết đồng thời với vụ án hình sự. Đối với những vụ án mà viện kiểm sát miễn tố có người bị hại thì người bị hại có quyền được nhận quyết định miễn tố. Nếu người bị hại không tán thành quyết định thì người bị hại có quyền khiếu nại lên Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp và yêu cầu truy tố. Trong trường hợp Viện kiểm sát cấp trên đồng ý với quyết định miễn tố thì người bị hại có thể kiện ra Tòa án. Người bị hại cũng có thể trực tiếp kiện ra Tòa án mà không cần phải khiếu nại trước quyết định miễn tố của Viện kiểm sát. Đối với vụ án tư tố người bị hại có quyền chỉ định người đại diện pháp lý cho mình và có quyền trực tiếp đưa vụ án ra trước tòa. Nếu người bị hại chết hoặc mất khả năng hành động, người đại diện pháp lý và họ hàng thân thích có quyền đưa vụ án ra trước tòa.

1.3.2. Liên bang Nga

Theo Bộ luật tố tụng hình sự Liên bang Nga thì “người bị hại là người bị tội phạm gây ra thiệt hại về tinh thần, thể chất hoặc tài sản, người tiến hành điều tra, dự thẩm viên, thẩm phán, toà án ra quyết định công nhận là người bị hại” (Điều 53). Chủ thể tham gia tố tụng hình sự gồm: Toà án, các chủ thể tham gia tố tụng thuộc bên buộc tội, các chủ thể tham gia tố tụng hình sự thuộc bên bào chữa và những chủ thể khác tham gia tố tụng hình sự. Trong đó, Kiểm sát viên, Dự thẩm viên, Thủ trưởng cơ quan điều tra, nhân viên điều tra, người bị hại, nguyên đơn dân sự... thì thuộc nhóm chủ thể tham gia tố tụng hình sự thuộc bên bào chữa. Tùy theo loại người có những vai trò khác nhau trong tố tụng hình sự mà pháp luật Liên bang Nga quy định quyền và nghĩa vụ của họ tham gia giải quyết vụ án.

1.3.3. Các nước khác

Khoản 1 điều 43 của Bộ luật tố tụng hình sự của Tiệp Khắc trước đây quy định: “người bị hại là người bị tội phạm gây thiệt hại về sức khỏe hoặc tài sản, tinh thần hoặc những thiệt hại khác”. Bộ luật tố tụng hình sự của Rumani cũng có quy định tương tự.

Theo luật tố tụng hình sự của Cộng hòa Liên bang Đức thì các đối tượng tham gia vào quan hệ tố tụng để giải quyết vụ án đều là chủ thể tham gia tố tụng. Tùy theo loại người có những vai trò khác nhau trong tố tụng hình sự mà pháp luật quy định quyền và nghĩa vụ của họ tham gia giải quyết vụ án.

Nhìn chung, pháp luật các nước có sự thống nhất trong định nghĩa người bị hại. Trong bối cảnh mô hình tố tụng của chúng ta đang chuyển hoá dần dần từ mô hình tố tụng xét hỏi sang mô hình tố tụng hỗn hợp nghiêng về tranh tụng dẫn đến hệ quả tất yếu là cần phải có sự thay đổi đồng bộ trong cơ chế hoạt động của những người

tham gia tố tụng, đặc biệt là người bị hại. Việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người bị hại trong hoạt động xét xử trong những năm qua đã cho thấy nhiều bất cập. Để giải quyết những vướng mắc này trong thực tế, hoàn thiện địa vị pháp lý của người bị hại sao cho đáp ứng với yêu cầu cải cách tư pháp đòi hỏi phải có sự đổi mới đồng bộ cả yếu tố con người và yếu tố pháp luật.

Chương 2

ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI BỊ HẠI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

2.1. Các quy định pháp luật về địa vị pháp lý của người bị hại trong tố tụng hình sự trước khi ban hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988

Sự phát triển các chế định về người bị hại gắn liền với sự phát triển của pháp luật Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.

Thời kỳ thực dân Pháp xâm lược có ba Bộ luật hình sự tố tụng khác nhau được áp dụng tại Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc kỳ. Thời kỳ này pháp luật tố tụng hình sự của nước ta chịu ảnh hưởng nặng nề của pháp luật tố tụng hình sự Pháp. Pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự thời kỳ này đều là công cụ để thực dân Pháp và thế lực tay sai duy trì chế độ thực dân xâm lược cho nên vị trí, quyền và nghĩa vụ của người bị hại chưa được đề cập nhiều.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời. Trong hoàn cảnh phải cùng lúc đối phó với thù trong giặc ngoài, hoạt động lập pháp nói chung, hoạt động tố tụng hình sự, trong đó có vị trí của người bị hại nói riêng vẫn được Nhà nước ta quan tâm với việc ban hành Sắc lệnh số 85/SL ngày 22-5-1955.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ đã được ký kết, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, Miền Nam tạm thời bị đế quốc Mỹ và bọn tay sai thống trị. Pháp luật tố tụng hình sự thời kỳ này phải phục vụ thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chiến lược cách mạng. Tuy nhiên, Nhà nước ta cũng rất quan tâm đến địa vị pháp lý của người tham gia tố tụng, trong đó có người bị hại, thể hiện trong bản hướng dẫn về trình tự tố tụng sơ thẩm kèm theo Thông tư 16/TATC ngày 27-9-1974 của Toà án nhân dân tối cao. Trong văn bản này, lần đầu tiên định nghĩa pháp lý của khái niệm người bị hại đã được đề cập.

2.2. Các quy định pháp luật về địa vị pháp lý của người bị hại theo Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003

2.2.1. Các quy định pháp luật về địa vị pháp lý của người bị hại theo Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988

Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 đã quy định đầy đủ về định nghĩa thế nào là người bị hại. Quyền và nghĩa vụ của người bị hại cũng được quy định tương đối rộng, trong đó có quyền yêu cầu khởi tố và quyền rút yêu cầu của người bị hại nhưng phải trước ngày mở phiên toà.

2.2.2. Các quy định pháp luật về địa vị pháp lý của người bị hại theo Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003

2.2.2.1. Những quy định chung

Theo Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Người bị hại và những người tham gia tố tụng khác được quy định tại chương IV (từ Điều 48 đến Điều 61) Bộ luật tố tụng hình sự. So với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988, quy định về người bị hại không có thay đổi bổ sung gì so với quy định về người bị hại trong

Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988. Ngoài Điều 51, Điều 59 của Bộ luật tố tụng hình sự, chế định về Người bị hại còn được quy định ở những Điều luật khác ngoài Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra, trong một số trường hợp còn phải căn cứ vào đối tượng trực tiếp bị xâm phạm để xác định người bị hại trong vụ án hình sự. Thực tiễn xét xử việc xác định không đúng người bị hại trong vụ án hình sự thường xảy ra trong các trường hợp sau:

- a. Xác định người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là người bị hại*
- b. Xác định người mà theo quy định của Bộ luật hình sự thì tội phạm đó không có người bị hại*
- c. Các quy định khác*

** Người đại diện của người bị hại*

Người đại diện hợp pháp của người bị hại

Người đại diện hợp pháp của người bị hại là người mà theo quy định của pháp luật hoặc theo uỷ quyền họ tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại hoặc của chính bản thân họ. Người đại diện hợp pháp của người bị hại phải là một con người cụ thể chứ không thể là cơ quan tổ chức. Họ là người đã thành niên và đủ năng lực hành vi để tham gia tố tụng và không thuộc trường hợp pháp luật cấm.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại bao gồm: Người đại diện đương nhiên và người đại diện do được uỷ quyền.

Người đại diện hợp pháp đương nhiên của người bị hại là người mà theo pháp luật họ đương nhiên được tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại hoặc của chính bản thân họ.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của người bị hại

Người đại diện hợp pháp của người bị hại theo uỷ quyền là

người được người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp đương nhiên của người bị hại uỷ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại hoặc của chính mình.

Khác với người đại diện hợp pháp đương nhiên của người bị hại, người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền khi tham gia tố tụng chỉ được thực hiện những quyền và nghĩa vụ trong phạm vi được uỷ quyền. Người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp đương nhiên có thể uỷ quyền toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình cho người đại diện hợp pháp được uỷ quyền, nhưng cũng có thể chỉ uỷ quyền một số quyền và nghĩa vụ nhất định.

Vấn đề liên quan đến đại diện hợp pháp của người bị hại

Trong hầu hết các vụ án mà Tòa án xét xử có người bị hại là người chưa thành niên, hoặc người có nhược điểm về thể chất và tinh thần thì Tòa án vẫn xác định có người đại diện hợp pháp và đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là đại diện hợp pháp và cho họ hưởng các quyền của người bị hại.

Vấn đề liên quan đến việc quy định và thực hiện các quyền của người bị hại

Thứ nhất, phạm vi thực hiện quyền kháng cáo của người bị hại.

Thứ hai, nghiên cứu các quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành cho thấy pháp luật tố tụng hình sự chưa khẳng định người bị hại là một bên trong tranh tụng, thực hiện chức năng buộc tội.

Thứ ba, cơ chế thoả thuận nhận tội và bồi thường thiệt hại giữa người bị hại và bị can, bị cáo trong một số trường hợp là vấn đề được áp dụng khá phổ biến ở các nước nhưng là vấn đề mới ở Việt Nam. Vì vậy trong tiến trình cải cách tư pháp, chúng ta cần triển khai nghiên cứu cơ chế để tìm kiếm khả năng tiếp thu và vận dụng cho phù hợp với tình hình thực tiễn ở nước ta.

Vấn đề liên quan đến chế định khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại

Khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại (hay còn gọi là tư tố) là một chế định được áp dụng khá phổ biến trong pháp luật các nước. Đây là chế định thể hiện tính dân chủ, nhân đạo, sự tôn trọng và cảm thông trước sự thiệt hại, mất mát, đau đớn của người bị hại.

Tại Điều 105 của Bộ luật tố tụng hình sự quy định người bị hại có quyền yêu cầu khởi tố đối những vụ án về tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 104, 105, 106, 108, 109, 111, 113, 121, 122, 131 và 171 của Bộ luật hình sự.

Chương 3

THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI BỊ HẠI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.1. Thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật tố tụng hình sự địa vị pháp lý của người bị hại trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.1.1. Những đặc điểm của Thủ đô Hà Nội

Hà Nội là thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nằm giữa đồng bằng sông Hồng trù phú, nơi đây đã sớm trở thành một trung tâm chính trị và tôn giáo ngay từ những buổi đầu của lịch sử Việt Nam.

Sau chiến thắng 30 – 4 – 1975 lịch sử, Hà Nội tiếp tục giữ vai trò thủ đô của quốc gia Việt Nam thống nhất.

Sau đợt mở rộng địa giới hành chính vào tháng 8/2008, Hà Nội hiện nay gồm 10 quận, 1 thị xã và 18 huyện ngoại thành. Cùng

với Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng và Đà Nẵng, Hà Nội là một trong bốn trung tâm kinh tế hàng đầu của cả nước. Song bên cạnh những thành tựu về kinh tế, văn hóa, chính trị, Hà Nội cũng thường xuyên phải đối mặt với những thách thức về tình hình an ninh chính trị – trật tự trị an trên địa bàn, đặc biệt là các hoạt động của nhiều loại tội phạm hình sự có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp.

3.1.2. Thực trạng áp dụng các quy định tố tụng về người bị hại trên địa bàn thành phố Hà Nội trong những năm gần đây

Trong các thống kê về công tác xét xử của ngành Tòa án nhân dân chưa có báo cáo nào về thực trạng tham gia của người bị hại trong tố tụng hình sự. Qua theo dõi tình hình xét xử của ngành Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thì số lượng các vụ án Tòa án phải giải quyết tăng lên qua từng năm và các tội phạm xâm phạm đến tính mạng, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng số các vụ án mà Tòa án đã giải quyết. Tình hình tội phạm cũng diễn biến rất phức tạp và có nhiều thủ đoạn tinh vi.

3.1.3. Thực tiễn áp dụng những quy định về quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự

3.1.3.1. Vấn đề liên quan đến đại diện hợp pháp của người bị hại

Thứ nhất, khoản 5 Điều 51 của Bộ luật tố tụng hình sự quy định: “Trong trường hợp Người bị hại chết thì người đại diện hợp pháp có những quyền được quy định tại điều này”. Như vậy, theo tinh thần nội dung Điều 51 của Bộ luật tố tụng hình sự thì người đại diện hợp pháp của người bị hại trong trường hợp này được tham gia tố tụng nhưng không được thực hiện các quyền của người bị hại. Tuy nhiên, theo tinh thần của quy định tại Điều 59 của Bộ luật tố tụng hình sự thì người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại được tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích của người bị hại.

Thứ hai, trong trường hợp người bị hại mất tích thì cần thừa nhận người đại diện hợp pháp của người bị hại mất tích được tham gia tố tụng và được thực hiện các quyền của người bị hại.

Thứ ba, trong hai trường hợp nêu trên cơ quan tiến hành tố tụng không xác định được ai là người đại diện hợp pháp, hoặc người bị hại thực tế cũng không còn ai là người đại diện hợp pháp thì người thân của người bị hại chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất được tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp, khi tham gia tố tụng họ có các quyền của người bị hại. Trường hợp người bị hại không còn ai là người thân thì cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu đoàn luật sư phân công văn phòng luật sư cử người bảo vệ quyền lợi cho họ.

Thứ tư, trong trường hợp người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền và nghĩa vụ mâu thuẫn với nhau thì giải quyết như thế nào? Trong trường hợp này mặc dù vẫn có ý kiến khác nhau nhưng theo học viên cần xác định họ đều là những người đại diện hợp pháp của người bị hại và họ có quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng như nhau.

3.1.3.2. Các quy định khác về quyền của người bị hại

Thứ nhất, phạm vi thực hiện quyền kháng cáo của người bị hại.

Thứ hai, pháp luật tố tụng hình sự chưa khẳng định người bị hại là một bên trong tranh tụng, thực hiện chức năng buộc tội.

3.1.4. Thực tiễn áp dụng những quy định về nghĩa vụ của người bị hại trong tố tụng hình sự

Tại khoản 4 Điều 51 của Bộ luật tố tụng hình sự quy định nghĩa vụ khai báo của người bị hại và nếu người bị hại không khai báo mà không có lý do chính đáng có thể phải chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 308 của Bộ luật hình sự.

3.2. Một số kiến nghị

3.2.1. Kiến nghị về hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của người bị hại trong tố tụng hình sự

3.2.1.1. Quy định và thực hiện các quyền của người bị hại

Thứ nhất, về phạm vi thực hiện quyền kháng cáo của người bị hại

Thứ hai, cần sửa lại Điều 191 của Bộ luật tố tụng hình sự theo hướng khẳng định: trường hợp tại phiên toà người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ vắng mặt thì phải hoãn phiên toà, trừ trường hợp những người này yêu cầu hoặc đồng ý để Tòa án xét xử vắng mặt họ.

Thứ ba, cơ chế thoả thuận nhận tội và bồi thường thiệt hại giữa người bị hại và bị can, bị cáo.

3.2.1.2. Chế định khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại

Thứ nhất, nghiên cứu để mở rộng hơn nữa phạm vi các tội mà cơ quan có thẩm quyền chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại.

Thứ hai, nghiên cứu để bổ sung các quyền của người bị hại trong giai đoạn trước khi đưa vụ án ra xét xử.

Thứ ba, cần quy định cụ thể thủ tục tố tụng riêng cho trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại.

3.2.1.3. Chế định về đại diện hợp pháp của người bị hại

Thứ nhất, cần bổ sung thêm vào nội dung trường hợp người bị hại là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần, thể chất khi tham gia tố tụng thì đại diện hợp pháp của họ được tham gia tố tụng và được hưởng các quyền tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng hình sự như người bị hại.

Thứ hai, cần bổ sung trường hợp người bị hại mất tích thì người đại diện hợp pháp của người bị hại mất tích được tham gia tố tụng và được thực hiện các quyền của người bị hại.

Thứ ba, trường hợp người bị hại không còn ai là người thân thì cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bảo vệ quyền lợi cho họ.

Thứ tư, khi tham gia tố tụng trong vụ án có nhiều người đại diện hợp pháp cho người bị hại, Tòa án cần yêu cầu những người có cùng quyền lợi cử một người tham gia, nhưng Tòa án cần quyết định riêng đối với từng người, những người không tham gia tố tụng phải làm thủ tục uỷ quyền cho người tham gia tố tụng.

3.2.1.4.. Vấn đề trình bày lời buộc tội của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại

Thứ nhất, nghiên cứu để mở rộng hơn nữa phạm vi các tội mà cơ quan có thẩm quyền chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại.

Thứ hai, nghiên cứu để bổ sung các quyền của người bị hại trong giai đoạn trước xét xử.

Thứ ba, cần quy định cụ thể thủ tục tố tụng riêng cho trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại.

3.2.2. Một số kiến nghị khác

3.2.2.1. Tăng cường sự hướng dẫn đầy đủ và kịp thời về một số vấn đề có liên quan đến người bị hại của các cơ quan tư pháp trung ương và một số ngành có liên quan.

3.2.2.2. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo đảm cho công dân tham gia tích cực vào việc điều tra chứng minh tội phạm

3.2.2.3. Nâng cao trình độ pháp lý nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của những người tiến hành tố tụng

3.2.2.4. Thực hiện tốt sự phân công, chỉ đạo, phối hợp trong giải quyết án hình sự

Qua thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật tố tụng về địa vị pháp lý của người bị hại trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy với những đặc điểm mang tính chất đặc thù của một đô thị cấp một, là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của cả nước, việc hoàn thiện các quy định pháp luật và áp dụng trên thực tế địa bàn Thủ đô phải được tăng cường đẩy mạnh và nhanh chóng triển khai trên cả chiều sâu và bề rộng để đáp ứng những đòi hỏi bức thiết của nhu cầu đời sống xã hội của Thủ đô thời kỳ hội nhập và phát triển.

KẾT LUẬN

Những quy định về địa vị pháp lý của người bị hại trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003 vừa là sự kế thừa có chọn lọc những thành tựu lập pháp của Nhà nước ta, vừa là bước đột phá quan trọng về thủ tục tố tụng hình sự. Tuy nhiên, việc xây dựng và hoàn thiện một khung pháp lý hoàn thiện về địa vị pháp lý của người bị hại phù hợp với điều kiện thực tế của nước ta là một vấn đề không đơn giản.

Thành phố Hà Nội là Thủ đô của cả nước, cùng với việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về địa vị pháp lý của người bị hại trong việc giải quyết các vụ án hình sự thì cần phải có những giải pháp cụ thể, quyết liệt để góp phần nâng cao hiệu quả của việc áp dụng các quy định về địa vị pháp lý của người bị hại trong tố tụng hình sự, hạn chế đến mức thấp nhất án tồn đọng kéo dài, không có án oan - sai, đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Thủ đô.